

Số: 09/BC-HĐND

Bình Dương, ngày 04 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả giám sát về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND7 ngày 24/7/2009 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành giáo dục - đào tạo tỉnh Bình Dương đến năm 2020

Thực hiện Quyết định số 07/QĐ-HĐND ngày 27/8/2019 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh Bình Dương về thành lập Đoàn giám sát về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND7 ngày 24/7/2009 của HĐND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành giáo dục - đào tạo tỉnh Bình Dương đến năm 2020 (Nghị quyết số 20). Đoàn giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội đã tổ chức giám sát thực tế tại 04 trường học⁽¹⁾ và làm việc với Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB & XH) và một số sở, ban, ngành liên quan.

Tham gia Đoàn giám sát có lãnh đạo và các Ủy viên của Ban Văn hóa - Xã hội, Ban Thường trực UBMTTQVN, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở LĐ-TB & XH, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Văn phòng HĐND tỉnh; Thường trực HĐND - UBND, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Sau khi nghe các đơn vị chịu sự giám sát báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 20, qua giám sát tình hình thực tế và ý kiến thảo luận của các đại biểu cùng ý kiến tiếp thu, giải trình của đơn vị chịu sự giám sát, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh đánh giá và kết luận một số vấn đề, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (kèm phụ lục 1)

Trong những năm qua, ngành GDĐT luôn quan tâm công tác chuẩn hóa đội ngũ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất, không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục để bảo đảm tốt việc hoàn thành chỉ tiêu của Nghị quyết Ban Chấp hành Tỉnh Đảng bộ lần thứ X và Nghị quyết số 20 của HĐND tỉnh đã đề ra. Đồng thời thực hiện hiệu quả công tác đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương.

Qua giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội, hiện nay 100% đơn vị cấp xã có trường mầm non, tiểu học; 80,21% đơn vị cấp xã có trường trung học cơ sở

⁽¹⁾ Trường Đại học Quốc tế Miền Đông, Trường Trung Tiểu học Việt Anh, Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến, Trường Tiểu học, THCS, THPT Ngô Thời Nhiệm.

(THCS) hoặc lớp THCS trong trường phổ thông nhiều cấp học⁽²⁾. Tỷ lệ trẻ học bán trú, 02 buổi/ngày đạt 99,9% theo Chương trình giáo dục mầm non (GDMN), trong đó trẻ nhà trẻ và trẻ 5 tuổi học bán trú đạt 100%. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân hàng năm đều giảm⁽³⁾. Có 87/120 (số đăng ký đầu kỳ) trường MN công lập đạt chuẩn quốc gia; 56/123 trường mầm non là trường được lâu hóa.

Đối với giáo dục tiểu học, hiện nay, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 97,1%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,99%; tỷ lệ học sinh bỏ học: 0,04%. Có 9/9 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục (PCGD) tiểu học (TH) mức độ 3, trong đó 89 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3 và 2 đơn vị đạt chuẩn PCGDTH mức độ 2. Cấp tiểu học có 106/150 (số đăng ký đầu kỳ) trường công lập đạt chuẩn quốc gia; 120/149 trường tiểu học công lập là trường được lâu hóa.

Năm học 2018 - 2019, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 95,95%; tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 95,17%, trong đó khối THPT đạt 98,65%, khối GDTX đạt 74,77%. Điểm trung bình chung các môn thi là 5.813, xếp hạng 04/63 tỉnh, thành phố trên cả nước; điểm bình quân 8/9 môn thi nằm trong nhóm 10 quốc gia, trong đó môn tiếng Anh đứng thứ 2/63 tỉnh, thành phố. Toàn tỉnh có 9/9 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGD trung học cơ sở (THCS) trong đó mức độ 1 có 2/9 đơn vị, mức độ 2 đạt 6/9 đơn vị và mức độ 3 đạt 01/9 đơn vị. Đối với cấp xã có 91/91 đơn vị đạt chuẩn PCGDTHCS, trong đó có 05/91 đơn vị đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 1; 41/91 đơn vị đạt chuẩn mức độ 2 và 45/91 đơn vị đạt chuẩn mức độ 3.

Khối trung học có 70 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, trong đó cấp THCS có 54 trường, cấp THPT có 16 trường. THCS công lập có 73/76 trường lâu; THPT công lập có 28/28 trường lâu. Toàn tỉnh có 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh, 06 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, 87 trung tâm và 19 chi nhánh ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng văn hóa, luyện thi đại học và 07 trung tâm giáo dục kỹ năng sống.

Hệ thống trường, lớp các cấp học trong tỉnh đã đáp ứng được nhu cầu học tập cho con em nhân dân; cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị giảng dạy đầy đủ, hiện đại, hiệu quả; chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao.

2. Về giáo dục nghề nghiệp

Hiện nay, toàn tỉnh có 95 cơ sở giáo dục nghề nghiệp⁽⁴⁾. Hàng năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh khoảng 30.000 học viên⁽⁵⁾. Các ngành nghề được đào tạo chủ yếu là y tế và hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa - thể thao, vận tải - kho bãi, thông tin - liên lạc, tài chính - ngân hàng - bảo hiểm, khách sạn - nhà hàng.

⁽²⁾ Toàn tỉnh có 776 trường học và trung tâm, trong đó có 389 cơ sở giáo dục ngoài công lập; đã huy động được 458.250 trẻ mầm non và học sinh phổ thông (trong đó có 101.240 trẻ và học sinh ngoài công lập) đến trường.

⁽³⁾ Thể nhẹ cân: Nhà trẻ 1,7% (giảm 1%), mẫu giáo 0,9 % (giảm 0,8%); thể thấp còi: Nhà trẻ 1,9% (giảm 0,4%), mẫu giáo 1,2% (giảm 0,6%).

⁽⁴⁾ Trong đó: 07 trường cao đẳng/cao đẳng nghề; 01 Phân hiệu cao đẳng Đường sắt Phía Nam; 12 trường trung cấp/trung cấp nghề; 16 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 59 cơ sở có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

⁽⁵⁾ Trong đó, Cao đẳng : 1.500 sinh viên, Trung cấp: 3.000 học viên, Sơ cấp và dưới 03 tháng: 25.500 học viên.

Tỉnh đang triển khai thực hiện 02 đề án lớn gồm: Đề án "Dạy nghề cho lao động nông thôn tỉnh Bình Dương đến năm 2020"⁽⁶⁾ và Đề án "Đào tạo nghề đảm bảo nguồn lao động có tay nghề, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 - 2020 và đến 2025"⁽⁷⁾, gắn với việc tổ chức các hội thảo đào tạo cùng doanh nghiệp; thực hiện các chính sách đãi ngộ khi doanh nghiệp tham gia đào tạo; đồng thời, khuyến khích liên kết đào tạo các trường ngoài công lập có kinh nghiệm, uy tín ngoài tỉnh để nâng cao chất lượng và đa dạng lĩnh vực, ngành nghề đào tạo; tạo điều kiện về thời gian, thủ tục hành chính khi có cơ sở mới được thành lập, đăng ký hoạt động hoặc liên kết đào tạo. Các trường Cao đẳng, Trung cấp nghề đều có phòng Quan hệ quốc tế hoặc cán bộ phụ trách với nhiệm vụ gắn kết với doanh nghiệp làm cầu nối đáp ứng các nhu cầu của doanh nghiệp và người học nghề; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục thực hiện các chương trình dạy nghề gắn kết với doanh nghiệp như: đưa học sinh đến thực tập tại doanh nghiệp, làm quen với môi trường sản xuất, kinh doanh; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, cập nhật kiến thức thông qua ký kết hợp đồng trực tiếp với doanh nghiệp; tìm học bổng cho học sinh, sinh viên tại trường.

Bên cạnh đó, ngành LĐ-TB&XH thực hiện công tác tư vấn tuyển sinh, tư vấn học nghề, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông⁽⁸⁾; phối hợp với các đoàn thể địa phương tuyên truyền, tư vấn, dạy nghề cho hội viên về các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn (hàng năm, tổ chức đào tạo nghề cho gần 2.000 lao động nông thôn).

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết

Đề bảo đảm triển khai thực hiện thành công các mục tiêu phát triển GDĐT và lao động theo yêu cầu Nghị quyết số 20, từ năm 2009 đến nay, ngành GDĐT, ngành LĐ-TB&XH đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Trung ương và địa phương. Tỉnh đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến công tác về Quy hoạch phát triển ngành GDĐT, lao động và dạy nghề⁽⁹⁾; đồng thời, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống thông qua các hình thức như: tập huấn, phối hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, tham mưu và tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo và các chỉ tiêu Nghị quyết đã đề ra, thời gian qua, các ngành đã xây dựng nhiều đề

⁽⁶⁾ Ban hành theo Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 26/8/2011 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽⁷⁾ Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt "Đề án đào tạo nghề đảm bảo nguồn lao động có tay nghề, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 - 2020 và đến 2025".

⁽⁸⁾ Theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025".

⁽⁹⁾ Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành GD-ĐT tỉnh Bình Dương đến năm 2020; Chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU ngày 03/4/2014 của Tỉnh ủy về thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 3641/KH-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 81-TU/CTHĐ ngày 03/4/2014 của Tỉnh ủy;

án, dự án⁽¹⁰⁾ nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, đồng thời kiên cố hóa cơ sở vật chất, từng bước chuẩn hóa đầu tư trang thiết bị, qua đó tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp đô thị theo hướng văn minh, hiện đại theo từng giai đoạn.

Bên cạnh đó, các hoạt động thông tin, tuyên truyền được tổ chức thường xuyên, rộng rãi ngày càng đa dạng và phong phú từ hình thức đến nội dung nhằm thông tin các hoạt động đào tạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong lĩnh vực GDĐT, giáo dục nghề nghiệp hướng đến xu thế phát triển của thời kỳ công nghệ 4.0 gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Nhìn chung, công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện về GDĐT, Giáo dục nghề nghiệp luôn được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, bước đầu đã có chuyển biến tích cực trong nhận thức của xã hội.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết

a) Về thực hiện các mục tiêu tổng quát

- Đối với giáo dục mầm non: đã chuẩn bị tốt cho 98% trẻ 5 tuổi chuẩn bị vào lớp 1 (mục tiêu đề ra >90%); công tác nâng cao chất lượng chăm sóc trẻ đã đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, cụ thể: Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở nhà trẻ là 1,7%, trẻ mẫu giáo 0,9%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ ở nhà trẻ là 1,9%, trẻ mẫu giáo là 1,2% (mục tiêu về tỷ lệ chung đề ra <10%)

- Đối với giáo dục tiểu học: Trong năm học 2018 - 2019, có 98,3% học sinh nắm vững kiến thức môn Toán; 97,9% học sinh hoàn thành môn Tiếng Việt (mục tiêu đề ra cho từng môn là 90%); tất cả học sinh tiểu học được học môn Tiếng Anh từ lớp 1 (mục tiêu đề ra từ lớp 3)

- Đối với giáo dục trung học: thời gian qua, ngành GDĐT đã kịp thời đảm bảo cho học sinh được trang bị kiến thức phổ thông và những kiến thức về công nghệ, nghề phổ thông. Mức trang bị kiến thức cho học sinh trung học đạt tốt, chất lượng giáo dục trung học của ngành GDĐT tỉnh nằm trong nhóm dẫn đầu khu vực và đạt yêu cầu Nghị quyết của HĐND tỉnh đã đề ra.

- Đối với giáo dục thường xuyên: đóng góp tích cực vào việc giữ vững, củng cố thành quả phổ cập giáo dục các bậc học, đồng thời chất lượng giáo dục ngày càng hoàn thiện và phát triển.

Nhìn chung, qua giám sát của Ban Văn hóa - Xã hội nhận thấy: đến nay việc thực hiện các mục tiêu tổng quát của Nghị quyết số 20 đã đạt và vượt theo kế hoạch đề ra.

b) Các chỉ tiêu cụ thể về giáo dục và đào tạo

Từ năm học 2009 - 2010 đến năm học 2018 - 2019 ngành GDĐT đã tích cực phấn đấu, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn để đạt được các chỉ tiêu phát

⁽¹⁰⁾ Đề án xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ngành GDĐT tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015 (UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt số 884/QĐ-UBND ngày 24/3/2011); Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2015; Đề án phát triển Trường THPT chuyên Hùng Vương giai đoạn 2011-2020 (UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt số 1645/QĐ-UBND ngày 20/6/2012); Dự án đầu tư xây dựng trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên các trường THCS tạo nguồn, Trường THPT chuyên Hùng Vương và trường THPT chất lượng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2015 (UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt số 2699/QĐ-UBND ngày 19/10/2013).

triển giáo dục mà Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra. Chất lượng giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, THPT có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục đại trà và giáo dục nâng cao ở bậc phổ thông được nâng lên. Chương trình giáo dục phổ thông mới được triển khai thực hiện. Đến nay, có 28/50 chỉ tiêu cụ thể đạt theo Nghị quyết, trong đó: chỉ tiêu về phát triển mầm non đạt 09/12; chỉ tiêu về phát triển tiểu học đạt 05/13; chỉ tiêu về phát triển THCS đạt 02/9; chỉ tiêu về phát triển THPT đạt 06/9, về phát triển giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp đạt 05/7. Và còn 22/50 chỉ tiêu chưa đạt.

(kèm phụ lục 2 - bảng so sánh chỉ tiêu cụ thể)

3. Về kết quả thực hiện công tác giáo dục nghề nghiệp

Từ tháng 10/2017 các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được chuyển giao cho ngành LĐ-TB&XH quản lý theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 03/9/2016 của Chính phủ⁽¹⁾. Với số lượng 95 cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có so với chỉ tiêu Nghị quyết số 20 thì cao đẳng chiếm tỷ lệ 50%, trung cấp chiếm tỷ lệ 100%, trung tâm giáo dục nghề nghiệp chiếm tỷ lệ 145,5%.

Công tác đào tạo nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp được đào tạo ở 3 cấp trình độ: sơ cấp, trung cấp và cao đẳng, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế và đáp ứng thị trường lao động của tỉnh, góp phần giải quyết vấn đề nguồn nhân lực cho tỉnh kinh tế trọng điểm phía Nam. Quy mô đào tạo ngành Khoa học - công nghệ chiếm tỷ lệ cao nhất, khoảng 77,7%; các ngành như y tế - GDĐT và hoạt động chăm sóc sức khỏe chiếm tỷ lệ khoảng 10,7%; các ngành còn lại như: văn hóa, thể thao, vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc, khách sạn, nhà hàng, tài chính ngân hàng, bảo hiểm chiếm khoảng 14,6%. Việc phân luồng học sinh được thực hiện theo Quyết định 522/QĐ-TTg ngày 14/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Theo chỉ tiêu đến năm 2020, khoảng 30% học sinh học THCS tiếp tục đi học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp. Hiện nay việc tuyển sinh học nghề sau phân luồng THCS, THPT còn được thực hiện tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện.

Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: danh mục ngành nghề đào tạo được cập nhật; chỉ tổ chức đào tạo khi đảm bảo sĩ số và tỷ lệ có việc làm sau đào tạo. Ngành LĐ-TB&XH đã xây dựng và thực hiện các Kế hoạch để tổ chức tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn, qua đó phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tập huấn, tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHỐI HỢP ĐÀO TẠO GIỮA CÁC NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Qua giám sát, Ban Văn hóa - Xã hội nhận thấy: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 6 Trung tâm GDNN - GDTX huyện, thị xã (huyện Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên chưa có trung tâm), các Trung tâm này được sát nhập lại và phân cấp quản lý cho UBND cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ GDTX và đào tạo nghề tại các địa phương. Tất cả các trung tâm thực hiện tốt việc tổ chức hoạt động giảng dạy chương trình GDTX các cấp học, đồng thời, tích cực phối hợp triển khai công tác

⁽¹⁾ Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2016

tuyển sinh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú để thu hút học sinh - sinh viên vào học. Nhìn chung, ngành GDĐT và ngành LĐ-TB&XH đã chủ động phối hợp tốt với các ngành, các cấp, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của mình. Theo đó, nhà trường, các cơ sở giáo dục đã chú trọng công tác truyền thông, giáo dục cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng học tập, giảng dạy, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh các cấp học; quan tâm đến công tác chăm sóc giáo dục, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em, đảm bảo an toàn cho trẻ em, học sinh ở các cơ sở giáo dục mầm non, nhất là tại các khu công nghiệp. Kiểm tra giấy phép và hoạt động theo nội dung đã được cấp; kiên quyết đóng cửa các cơ sở không đủ điều kiện và tiềm ẩn nhiều nguy cơ không an toàn cho trẻ em, học sinh. Thực hiện các quy định về vệ sinh, phòng bệnh, phòng dịch và các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong các cơ sở giáo dục.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nhằm tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học cho các trường học, trung tâm và phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý... kịp thời đáp ứng nhu cầu học sinh ngày càng tăng, Tỉnh luôn dành tỷ lệ trên 20% tổng chi ngân sách để đảm bảo cho hoạt động của ngành giáo dục - đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013⁽¹²⁾, trong đó, giai đoạn 2016 - 2019 tổng kinh phí chi cho giáo dục - đào tạo là 11.833.931 triệu đồng, (chiếm 68,68% tổng kinh phí cho lĩnh vực văn hóa - xã hội). Ngoài ra, công tác xã hội hóa giáo dục cũng được triển khai tích cực, đồng bộ, bước đầu thu hút được các nguồn lực tham gia, ngày càng đóng góp hiệu quả vào sự nghiệp phát triển giáo dục của tỉnh, nhất là xã hội hóa giáo dục mầm non (chiếm 67,8% số trường ngoài công lập).

Đối với công tác giáo dục nghề nghiệp, ngoài việc đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh theo phân cấp, các trường thuộc tỉnh còn được đầu tư thêm từ nguồn vốn trung ương theo Dự án nghề trọng điểm và Đề án trường nghề chất lượng cao, cụ thể: Đầu tư từ vốn chương trình mục tiêu quốc gia phục vụ Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010 - 2015 (tổng số kinh phí được đầu tư là 16,5 tỷ đồng phân bổ cho 07 đơn vị tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn); dự án đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011 - 2015 của nghề nguội, sửa chữa máy công cụ và nghề Điện dân dụng. Giai đoạn 2011-2015, tổng số kinh phí được đầu tư là 42,08 tỷ đồng được phân bổ cho 05 trường có nghề trọng điểm cấp độ Quốc gia, Asian và Quốc tế; Đề án phát triển Trường nghề chất lượng cao đến năm 2020, phê duyệt danh sách 40 trường công lập để tập trung đầu tư thành trường nghề chất lượng cao đến năm 2020, đề án đầu tư Trường cao đẳng nghề chất lượng cao đến năm 2020. Theo đó, trong 3 năm 2017 - 2019, trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore được đầu tư 17 tỉ đồng từ nguồn vốn của Chương trình Việc làm và Dạy nghề để đầu tư mua sắm trang thiết bị các nghề trọng điểm. Trong năm 2016 - 2017, trường Trung

⁽¹²⁾ Nghị quyết hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

cấp nghề Việt Nam - Hàn Quốc, nay là trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc nhập các trang thiết bị dạy nghề từ phía đối tác Hàn Quốc theo dự án ODA của hai Chính phủ Việt Nam - Hàn Quốc với giá trúng thầu là 113,991 tỉ đồng (dự án ODA 06 triệu USD). Các chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn được triển khai đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên, HSSV thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy và học.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20, được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, sự điều hành, chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh, sự tham gia phối hợp, hỗ trợ tích cực của các cấp, các ngành, đoàn thể và sự nỗ lực, không ngừng phấn đấu của ngành GDĐT và LĐ-TB&XH sự nghiệp phát triển GDĐT, giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương đã đạt được nhiều kết quả tốt như:

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên, nhân viên ngành GDĐT khá ổn định, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn trở lên chiếm tỷ lệ cao; công tác đào tạo nâng chuẩn trình độ chuyên môn và bồi dưỡng nghiệp vụ được thực hiện đúng kế hoạch và thường xuyên. Mạng lưới trường lớp được quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển giáo dục và kinh tế - xã hội địa phương; tỷ lệ trường học xây mới và được lâu hóa tăng đều hàng năm; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục được đầu tư theo hướng đồng bộ và hiện đại; các địa phương quan tâm quy hoạch quỹ đất để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục. Đến năm học 2018 - 2019, tất cả các lĩnh vực của ngành giáo dục như: trường học, học sinh, trường lâu, trường chuẩn đều tăng mạnh về số lượng; chất lượng giáo dục các cấp học được cải thiện rõ nét, thể hiện qua tỷ lệ đạt được về chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, xếp loại cuối năm các mặt giáo dục của học sinh phổ thông; đặc biệt là chất lượng tốt nghiệp các cấp học, trong đó chất lượng tốt nghiệp THPT đã vươn lên nhóm đầu quốc gia về phổ điểm bình quân các môn thi và tỷ lệ tốt nghiệp.

- Đối với công tác giáo dục nghề nghiệp, thời gian qua đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật về GDNN, nâng cao nhận thức của xã hội về dạy nghề và học nghề; làm tốt công tác tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp theo phương châm lấy chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hàng đầu; tăng cường các giải pháp gắn kết với doanh nghiệp và gắn kết chặt chẽ với thị trường lao động, tập trung tìm giải pháp để giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là ở các trường được đầu tư để trở thành trường chất lượng cao. Đồng thời, định hướng nâng cao năng lực cho giáo viên, cán bộ quản lý GDNN và cơ sở GDNN. Đổi mới quản lý nâng cao hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giảng dạy. Nghiên cứu, đề xuất các hoạt động đào tạo, giải pháp phát triển GDNN đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Bên cạnh đó, phát triển nguồn lao động có tay nghề cơ bản đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, có cơ cấu hợp lý, chú trọng gắn đào tạo với giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống của người dân; huy động tối đa nguồn lực thúc đẩy phát triển đào tạo nghề, nâng cao sức cạnh tranh so với khu vực, trong nước.

VI. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

Ban VHXX nhận thấy, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số khó khăn, bất cập trong công tác giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp như sau:

- Tình trạng thiếu giáo viên cục bộ vẫn còn diễn ra, đặc biệt là ở cơ sở GDMN ngoài công lập;

- Công tác đầu tư xây dựng trường học được các địa phương quan tâm, nhưng chưa đáp ứng số lượng học sinh các cấp học tăng hàng năm, hầu hết ở các địa phương phát triển công nghiệp đều quá tải nên việc bố trí số lượng học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường học; việc tổ chức học bán trú hoặc 2 buổi/ngày ở cấp TH, THCS còn khó khăn;

- Công tác phân luồng học sinh sau THCS đạt hiệu quả chưa cao; một số Trung tâm GDNN-GDTX chậm triển khai thực hiện công tác tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp (từ năm 2017 - 2019, mới chỉ có 4/6 Trung tâm đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp);

- Đội ngũ giáo viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn thiếu về số lượng; số giáo viên dạy các nghề mới, giỏi chuyên môn kỹ thuật và có kỹ năng nghề cao còn ít, tình trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị của một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp xuống cấp... ảnh hưởng đến việc học và giảng dạy;

- Chất lượng, hiệu quả đào tạo của một số cơ sở GDNN mặc dù đã được cải thiện, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa gắn bó hữu cơ với nhu cầu nhân lực của từng ngành, doanh nghiệp và thị trường lao động; công tác phối hợp đào tạo nghề còn hạn chế, chỉ có 02/6 Trung tâm GDNN-GDTX tổ chức được lớp học⁽¹³⁾; một số Trung tâm còn gặp khó khăn về nguồn học viên;

- Đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn: việc triển khai công tác đào tạo nghề vẫn còn chậm, đạt kết quả chưa cao, chưa kịp thời cập nhật danh mục ngành nghề đào tạo phù hợp với thực tế của từng địa phương; đa số cán bộ phụ trách công tác dạy nghề cấp huyện chủ yếu kiêm nhiệm nên chưa đáp ứng tốt việc thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Đề án dạy nghề; mô hình ký cam kết với các doanh nghiệp trước khi mở lớp để giải quyết việc làm hoặc bao tiêu sản phẩm cho học viên sau tốt nghiệp chưa thực hiện;

- Công tác xã hội hóa giáo dục tuy phát triển mạnh nhưng chưa bền vững, nguồn lực tham gia chưa tương xứng với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Những khó khăn, hạn chế nêu trên đến từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó do quá trình đô thị hóa ở mức cao, dân số tăng cơ học quá nhanh... ảnh hưởng đến công tác đầu tư cơ sở vật chất giáo dục chưa đáp ứng kịp thời sự tăng đột biến số lượng học sinh, từ đó một số chỉ tiêu phát triển giáo dục của Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra cho giai đoạn 2016 - 2020 chưa đạt theo yêu cầu. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2010 - 2019, Nghị quyết của Trung ương (Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương), Nghị quyết IX, X tỉnh Đảng bộ; Chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 3641/KH-

⁽¹³⁾ Trung tâm GDNN-GDTX Dầu Tiếng: 10 lớp và Trung tâm GDNN-GDTX Phú Giáo: 05 lớp.

UBND của UBND tỉnh được triển khai thực hiện nên một số chỉ tiêu (đến năm 2020) được điều chỉnh⁽¹⁴⁾... Do vậy, việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển giáo dục tuy đạt yêu cầu Nghị quyết Tỉnh ủy, Kế hoạch UBND tỉnh nhưng chưa đạt yêu cầu Nghị quyết số 20; mặt khác, ngành chức năng chưa tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức sơ kết, đánh giá, thay đổi và điều chỉnh Nghị quyết 20 cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề tiếp tục nâng cao việc thực hiện phát triển ngành giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong thời gian tới, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện một số nội dung như sau:

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 81-CTHĐ/TU ngày 03/4/2014 của Tỉnh ủy nhằm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 20/2009/NQ-HĐND7 ngày 24/7/2009 của HĐND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành giáo dục - đào tạo tỉnh Bình Dương đến năm 2020. Đồng thời, khẩn trương xây dựng Đề án, kế hoạch, phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Bình Dương đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Tiếp tục rà soát, đánh giá kết quả thực hiện công tác xã hội hóa GDĐT để kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương nhằm đẩy mạnh phát triển xã hội hóa giáo dục.

4. Ngành Giáo dục - đào tạo và ngành Lao động - Thương binh - Xã hội tiếp tục quan tâm thường xuyên, kịp thời hướng dẫn các cơ sở giáo dục, nhất là các cơ sở giáo dục ngoài công lập và các trường có yếu tố nước ngoài thực hiện đúng các chính sách pháp luật và các quy định của ngành; đồng thời, tăng cường công tác thanh, kiểm tra để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

5. Triển khai thực hiện Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 và Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp.

6. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật về GDNN, nâng cao nhận thức của xã hội về GDNN; thực hiện tốt công tác tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp theo phương châm lấy chất lượng, hiệu quả là mục tiêu hàng đầu.

7. Xây dựng các giải pháp, chính sách nhằm thu hút tạo sự gắn kết giữa doanh nghiệp với nhà trường trong công tác đào tạo đội ngũ kỹ thuật có tay nghề cao đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và gắn kết chặt chẽ với thị trường lao động. Cập nhật danh mục ngành nghề đào tạo phù hợp với thực tế của từng địa phương.

⁽¹⁴⁾ Như: tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia từ 70% - 75% (Nghị quyết X Tỉnh Đảng bộ); có ít nhất 30% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ; 90% trẻ trong độ tuổi MG được chăm sóc, giáo dục bán trú tại cơ sở giáo dục MN (Kế hoạch số 3641/KH-UBND của UBND tỉnh)

8. Tổ chức tổng hợp, đánh giá hiện trạng, tình hình hoạt động của các đơn vị được đầu tư các trang thiết bị nhưng chưa sử dụng hiệu quả để kịp thời điều chuyển sang các đơn vị khác có nhu cầu đào tạo, sử dụng. Nghiên cứu xây dựng và phát triển mô hình đào tạo nghề lao động nông thôn ở các làng nghề truyền thống để tiếp tục phát huy những lợi thế của các làng nghề này.

Trên đây là kết quả giám sát về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 20/2009/NQ-HĐND7 ngày 24/7/2009 của HĐND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành giáo dục - đào tạo tỉnh Bình Dương đến năm 2020, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh thông báo đến các đơn vị hữu quan xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ông Đặng Minh Hưng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thành phần tham gia Đoàn giám sát;
- Các đơn vị chịu sự giám sát;
- Thường trực HĐND huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Phòng Tổng hợp (4), "CK";
- Lưu: VT, Ngh.

**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Trịnh Đức Tài



Phụ lục 1

SỐ LIỆU GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 09/BC-HĐND ngày 04/3/2020
của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh Bình Dương)

1. Số liệu hệ thống trường học các cấp

Năm học 2018-2019

CẤP HỌC VÀ CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC GIÁO DỤC	SỐ LƯỢNG TRƯỜNG HỌC CÁC CẤP			Tỷ lệ trường Ngoài công lập (%)
	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	
Mầm non	383	123	260	67,88
Tiểu học	150	149	01	0,66
THCS	79	76	03	3,79
THPT, Phổ thông nhiều cấp học	36	28	08	22,22
GDTX-BDNV tỉnh	01	01	0	0
GDTX-BDNV	06	06	0	0
Đại học	08	05	03	37,5
Ngoại ngữ, tin học, LTĐH...	87	0	87	100
Giáo dục kỹ năng sống	07	0	07	100
Tổng cộng	757	388	369	48,74

2. Số lượng học sinh các cấp (năm học 2018 - 2019)

CẤP HỌC	SỐ LƯỢNG			Tỷ lệ học sinh Ngoài công lập (%)
	Tổng số	Công lập	Ngoài CL	
Mầm non	132.586	41.522	91.064	68,68
Tiểu học	193.324	189.902	3.422	1,77
THCS	101.541	98.688	2.853	2,8
GDTX	5.763	5.763	0	0
Tổng cộng	464.013	362.773	101.240	21,81



Phụ lục 2
BẢNG SO SÁNH

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 20/NQ-HĐND7

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 09/BC-HĐND ngày 04/3/2020

của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh Bình Dương)

1. Kết quả phát triển trường lớp, học sinh năm học 2018 - 2019 so với đầu kỳ (năm học 2009 - 2010)

STT	NỘI DUNG	NH 2009-2010	Kết quả NH 2018-2019	Tình hình phát triển	
				Số lượng tăng, giảm (-)	% tăng, giảm (-)
I	TRƯỜNG HỌC	378	655	277	73,28%
1	Mầm non	158	383	225	142,4%
	- Công lập	100	123	25	25,5%
	- Ngoài công lập	58	260	211	430,6%
2	Tiểu học	132	150	18	13,6%
	- Công lập	129	149	20	15,5%
	- Ngoài công lập	03	01	- 2	- 66,6%
3	THCS và TH-THCS	53	79	26	49,1%
	- Công lập	53	76	23	43,4%
	- Ngoài công lập	0	03	03	300%
4	THPT và PT nhiều cấp	28	36	08	28,6%
	- Công lập	26	28	02	7,7%
	- Ngoài công lập	02	08	06	300%
5	GDTX	07	07	0	0
	- GDTX tỉnh	01	01	0	0
	- GDNN-GDTX	06	06	0	0
II	HỌC SINH	209.143	458.250	249.107	119,1%
1	Mầm non	49.780	132.586	82.806	166,3%
	- Công lập	28.138	41.522	13.384	47,6%
	- Ngoài công lập	21.642	91.064	69.422	320,8%
2	Tiểu học	85.736	193.324	107.588	125,5%
	- Công lập	85.042	189.902	104.860	123,3%
	- Ngoài công lập	694	3.422	2.728	393,1%

3	THCS	51.955	101.541	49.586	95,4%
	- Công lập	51.635	98.688	47.053	91,1%
	- Ngoài công lập	320	2.853	2.533	791,5%
4	THPT và PT nhiều cấp	21.672	30.799	9.127	42,1%
	- Công lập	21.528	26.898	5.370	24,9%
	- Ngoài công lập	144	3.901	3757	2.609%
III	TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN	72	263	191	265,3%
1	Mầm non	26	87	61	234,6%
2	Tiểu học	38	106	68	178,9%
3	THCS	05	54	49	980%
4	THPT	03	16	13	433,3%
IV	TRƯỜNG LẬU	123	277	154	125,2%
1	Mầm non	19	56	37	194,7%
2	Tiểu học	50	120	70	140%
3	THCS	31	73	42	135,5%
4	THPT	23	28	05	21,7%
V	CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC				
1	Tỷ lệ trẻ nhà trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	3,7%	1,7%	/	2,0%
2	Tỷ lệ trẻ mẫu giáo suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	3,0%	0,9%	/	2,1%
3	Tỷ lệ trẻ nhà trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	/	1,9%	/	/
4	Tỷ lệ trẻ mẫu giáo suy dinh dưỡng thể thấp còi	/	1,2%	/	/
5	Tỷ lệ HS hoàn thành TH	96,0%	99,99%	/	3,99%
6	Tỷ lệ HS TN THCS	90,64%	95,95%	/	5,31%
7	Tỷ lệ HS TN THPT	88,29%	98,65%	/	10,36%
8	Học sinh giỏi quốc gia	11 giải	29 giải	18 giải	/

2. So sánh kết quả thực hiện với các chỉ tiêu cụ thể của Nghị quyết số 20/NQ-HĐND7 đề ra cho giai đoạn 2016 - 2020

NỘI DUNG	Đơn vị	Chỉ tiêu NQ 20/NQ-HĐND7 đề ra cho giai đoạn 2016-2020	Kết quả thực hiện NH 2018-2019	Đánh giá	
				Đạt	Chưa đạt
I. NHÀ TRẺ					
- Tỷ lệ trẻ/dân số	%	40	32,9		X
- Tỷ lệ 1 nhóm trẻ/1 phòng học	%	100	100	X	
- Tỷ lệ nhà trẻ học bán trú	%	100	100	X	
- Số trẻ/giáo viên	HS	09	/		
- Số trẻ/nhóm trẻ	HS	16	21,6	X	
<p>Ghi chú:</p> <p>+ Theo Thông tư liên tịch số: 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 không tính số trẻ/gv mà chỉ tính tỷ lệ GV/nhóm trẻ (2,5 GV/nhóm);</p> <p>+ Hiện nay, số trẻ/nhóm trẻ được quy định tại Văn bản hợp nhất số:04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 (Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi: 15 trẻ; Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi: 20 trẻ; Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi:25 trẻ).</p>					
II. MẪU GIÁO					
- Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi vào MG	%	100	88,3		X
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học chương trình chuẩn bị vào lớp 1	%	100	100	X	
- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	100	99,83	X	
- Tỷ lệ xã có trường MG	%	100	100	X	
- Tỷ lệ trường chuẩn	%	100	72,5		X
- Tỷ lệ trường được lầu hóa	%	100	45,52	X	
- Tỷ lệ trường MN bán trú	%	100	100	X	
- Số lớp/1phòng học	Lớp	01	01	X	
<p>Ghi chú: Tỷ lệ trẻ mẫu giáo huy động hàng năm biến động bất thường: năm học 2016-2017:98,1%; 2017-2018: 97,4%, 2018-2019: 88,3%</p>					

III. TIÊU HỌC					
- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	%	100	100	X	
- Trẻ 6-10 tuổi học TH	%	100	100	X	
- Bình quân số học sinh/lớp	HS	30	41,8		X
- Tỷ lệ học sinh ngoài công lập	%	10	1,77		X
- Tuyển mới đầu cấp trẻ 6 tuổi	%	100	100	X	
- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia	%	100	70,7		X
- Số giáo viên/lớp	GV	1,5	1,28		X
- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	100	99,95		X
- Trẻ học xong TH trước 12 tuổi	%	99	96,65		X
- Số trường được lâu hóa	Trường	70	120	X	
- Tỷ lệ lên lớp toàn cấp	%	99	98,1		X
- Tỷ lệ lưu ban toàn cấp	%	0,3	1,99		X
- Tỷ lệ học sinh lớp 5 TNTH	%	99,8	99,99	X	

Ghi chú: Số HS/lớp theo quy định tối đa 35HS/lớp, hiện nay đa số trường TH có số lượng học sinh quá đông nên số HS bình quân/lớp vượt quy định (41,8); các địa phương trong tỉnh như Thuận An, Dĩ An, Bến Cát có trường TH số học sinh trên lớp đã vượt 45HS/lớp.

IV. TRUNG HỌC CƠ SỞ					
- Tỷ lệ học sinh lớp 5 vào lớp 6	%	100	/	X	
- Tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi học THCS	%	100	96,82	X	
- Bình quân số học sinh/lớp	HS	30	39,8	/	/
- Tỷ lệ HS học 2 buổi/ngày	%	80	28,03		X
- Tỷ lệ xã có trường THCS	%	100	80,2		X
- Số giáo viên/lớp	GV	1,9	1,7		X
- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	100	99,98		X
- Tỷ lệ lên lớp toàn cấp	%	99	98,84		X

- Tỷ lệ lưu ban toàn cấp	%	0,5	1,16		X
- Tỷ lệ tốt nghiệp lớp 9	%	99	95,95		X
<p>Ghi chú: Theo quy định của Bộ GDĐT, số HS/lớp cấp THCS tối đa là 45; hiện nay số học sinh THCS bình quân toàn tỉnh là 39,8, tuy nhiên tại các địa phương trong tỉnh như Thuận An, Dĩ An, Bến Cát nhiều trường THCS số học sinh trên lớp đã vượt 45HS/lớp, cá biệt trên 50HS/lớp.</p>					
V. TRUNG HỌC PHỔ THÔNG					
- Tỷ lệ HS lớp 9 vào lớp 10	%	60	71,22	/	/
- Tỷ lệ dân số 15-17 tuổi học THPT	%	95	98,04	X	
- Bình quân số học sinh/lớp	HS	40	35,98		X
- Số giáo viên/lớp	GV	2,5	2,12		X
- Số giáo viên đạt chuẩn	%	100	99,34		X
- Số lớp/phòng học	Lớp	1,0	1,0	X	
- Số HS học 2 buổi/ngày	%	100	/	/	/
- Số trường được lâu hóa	%	100	100	X	
- Lên lớp cả cấp	%	98	99,84	X	
- Lưu ban cả cấp	%	0,5	0,16	X	
- Tỷ lệ HS lớp 12 TN THPT	%	97	98,65	X	
V. GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP					
Số trường đại học				X	
Số trường cao đẳng					X
Số trường trung cấp CN				X	
Trung tâm GDTX-KT-HN				X	
Tăng số lượng giáo viên				X	
Số sinh viên/10.000 dân					X
Tỷ lệ sinh viên cao đẳng/đại học				X	